

FETP/MPP8/Macroeconomics/Riedel

Hạch toán Thu nhập Quốc gia và Cán cân Thanh toán

Khung phân tích vĩ mô cho nền kinh tế mở

Điều kiện cân bằng thị trường (dự kiến/tiên khởi) và đồng nhất thức kế toán (thực tế/hậu suy)

$$(1) \quad GDP = C + I + G + X - M$$

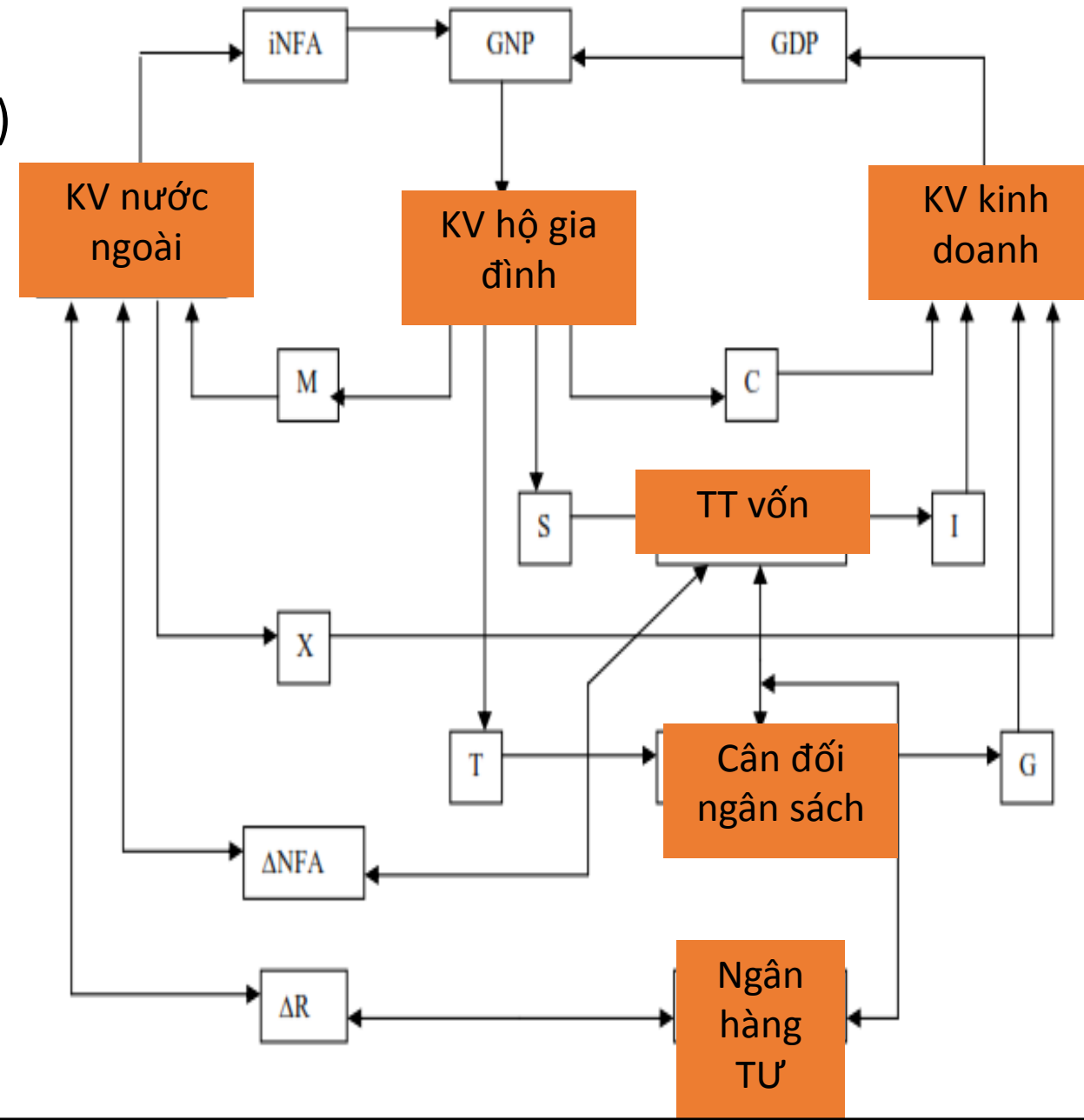
$$(2) \quad GNP = GDP + iNFA = C + I + G + CA$$

$$(3) \quad CA = X - M + iNFA$$

$$(4) \quad CA = Y - (C + I + G)$$

$$(5) \quad CA = S + (T - G) - I$$

$$(6) \quad CA = \Delta NFA + \Delta R$$



Đo lường Tổng Hoạt động Kinh tế

Hai phương pháp đo lường tổng các hoạt động kinh tế (GDP):

1. Phương pháp chi tiêu: tổng của hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong một khoảng thời gian nhất định.
2. Phương pháp thu nhập: Tổng của những giá trị gia tăng, thu nhập trả cho các yếu tố sản xuất chính (lao động, đất đai và vốn) trong một khoảng thời gian nhất định.

	Khu vực 1	Khu vực2	Khu vực 3	Cầu cuối cùng	Sản lượng
Khu vực 1	X_{11}	X_{12}	X_{13}	$F_1 + X_1$	Q_1
Khu vực 2	X_{21}	X_{22}	X_{23}	$F_2 + X_2$	Q_2
Khu vực 3	X_{31}	X_{32}	X_{33}	$F_3 + X_3$	Q_3
Giá trị gia tăng(V)	V_1	V_2	V_3	$\Sigma V_j = \Sigma F_i = \text{GDP}$	
Output $Q_j = \Sigma_i X_{ij} + V_j$	Q_1	Q_2	Q_3		ΣQ_i

Lưu ý: X_{ij} là đầu vào hàng hóa i dùng để sản xuất ra hàng hóa j . Tổng sản lượng của hàng hóa j là tổng của các đầu vào trung gian được sử dụng và giá trị gia tăng tại giai đoạn sản xuất cuối cùng

Các thành phần của GDP

Các thành phần của tổng chi tiêu vào GDP:

Tiêu dùng (C): chi tiêu vào hàng hóa và dịch vụ cuối cùng bởi hộ gia đình (chủ yếu là hàng tiêu dùng) trong một khoảng thời gian nhất định.

Đầu tư (I): chi tiêu vào hàng hóa và dịch vụ cuối cùng bởi khu vực kinh doanh (chủ yếu là nhà xưởng và thiết bị). Thay đổi về giá trị hàng tồn kho trong một khoảng thời gian nhất định cũng được tính trong tổng đầu tư.

Chi tiêu chính phủ (G): (tiêu dùng) hiện tại của chính phủ và chi tiêu vốn (đầu tư)

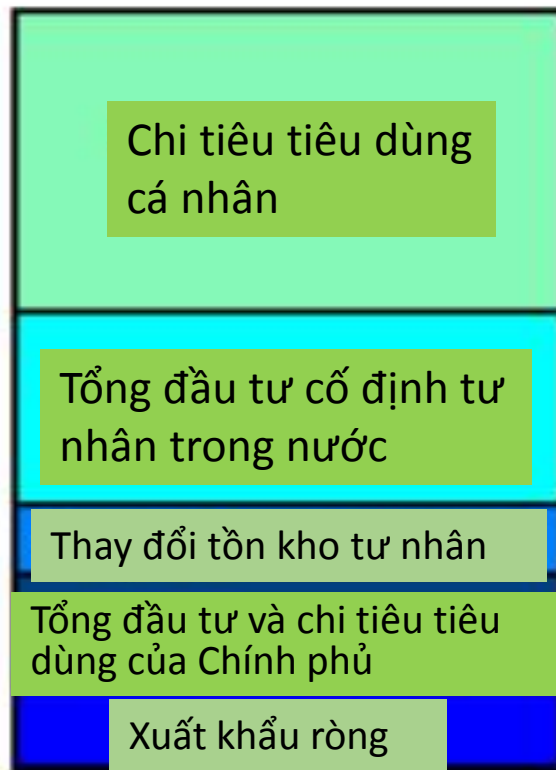
Xuất khẩu (X): Chi tiêu bởi người nước ngoài vào hàng hóa và dịch vụ được sản xuất trong nước.

Lưu ý: số đo C, I và G bao gồm chi tiêu vào hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu cũng như sản xuất trong nước. Vì vậy định thức hạch toán thu nhập quốc gia phải trừ ra mua sắm hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu.

$$GDP = C + I + G + X - M$$

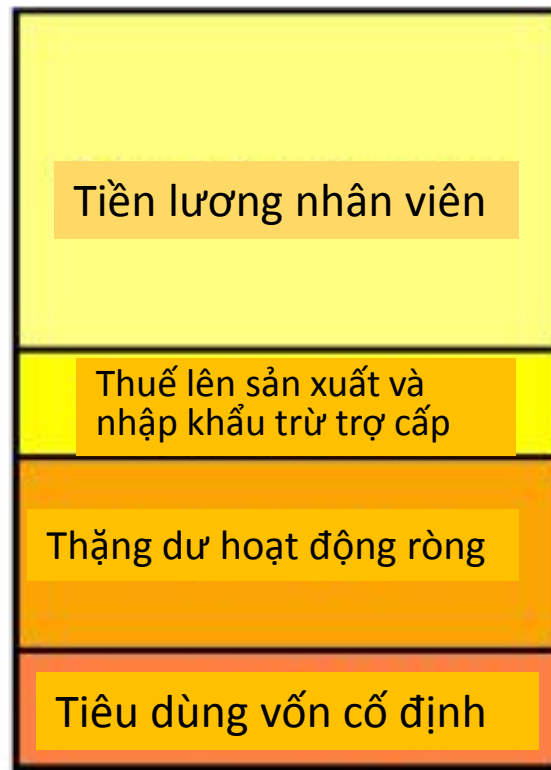
Hai phương pháp đo lường nền kinh tế Mỹ : 2012 (tỷ USD)

Phương pháp thu nhập	Tỷ USD	%	Phương pháp chi tiêu	Tỷ USD	%
Lương nhân viên	8,620	53	Tiêu dùng C	11,150	69
Lợi nhuận doanh nghiệp	6,576	40	Đầu tư I	2,475	15
Thu nhập khu vực công	1,065	7	C + I của Chính phủ	3,167	19
	-16	0	Xuất khẩu ròng X-M	-547	-3
GDP	16,245	100	GDP	16,245	100



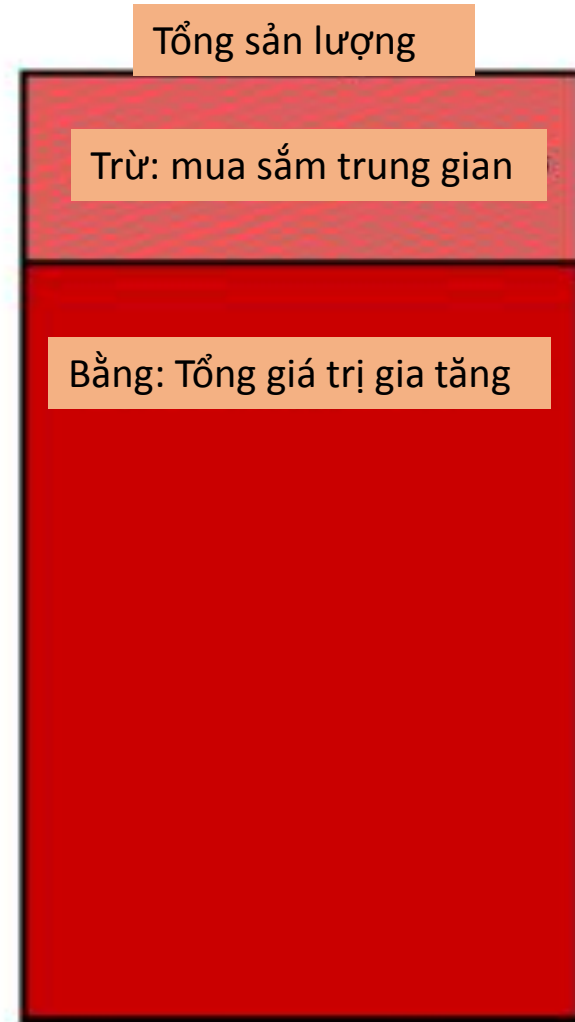
GDP

Tổng của chi tiêu cuối cùng



GDI

Tổng của thanh toán thu nhập và chi phí phát sinh trong sản xuất

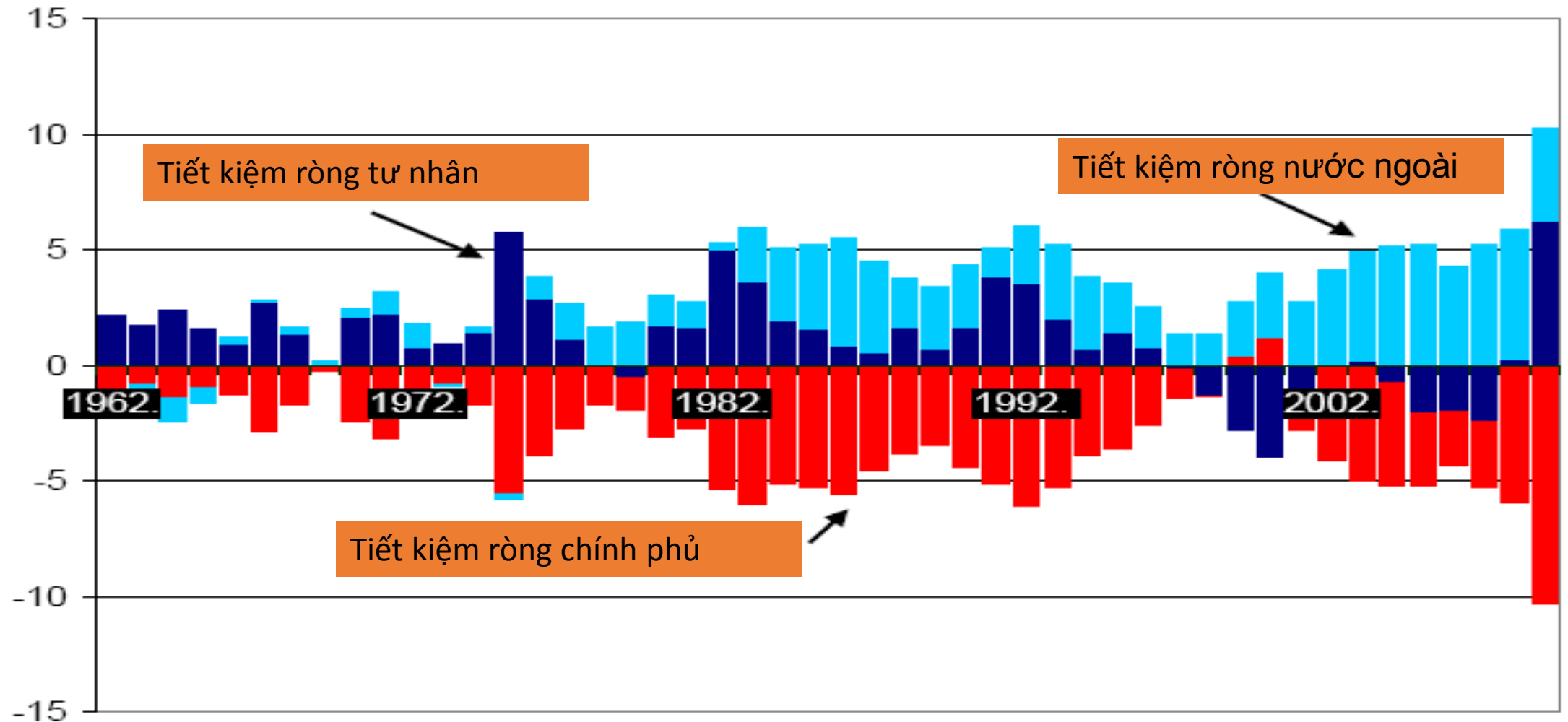


Gross Value Added

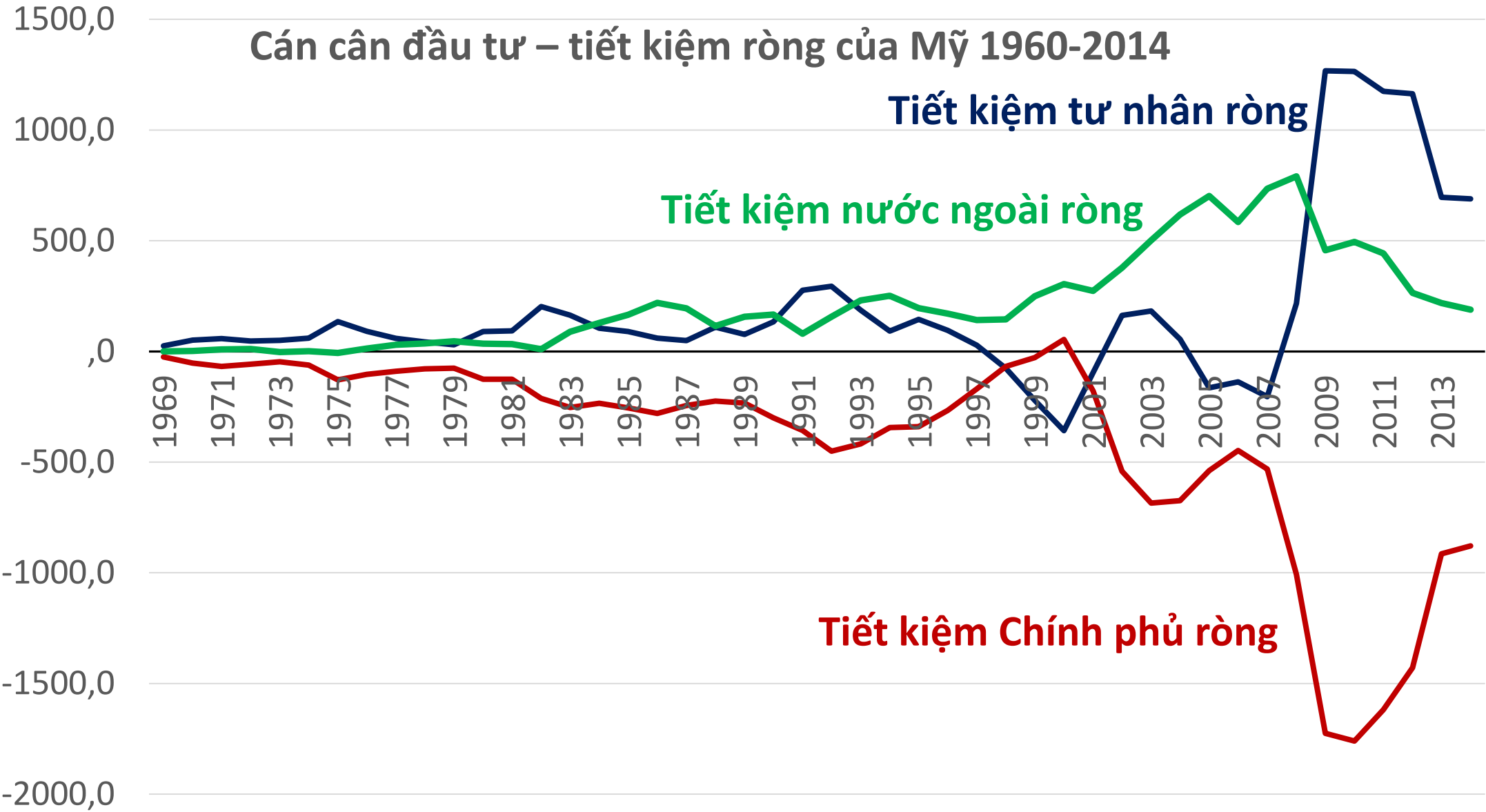
Tổng của tổng giá trị gia tăng - tổng sản lượng trừ mua sắm trung gian - của tất cả các khu vực tư nhân và chính phủ

Cán cân thu nhập – đầu tư : Mỹ (% của GDP)

$$(S - I) + (T - G) - CAB = (S - I) + (T - G) + \text{tiết kiệm nước ngoài} = 0$$



Cán cân đầu tư – tiết kiệm ròng của Mỹ 1960-2014



Tiết kiệm tư nhân ròng

Tiết kiệm nước ngoài ròng

Tiết kiệm Chính phủ ròng

Các thành phần của GDP: Vietnam

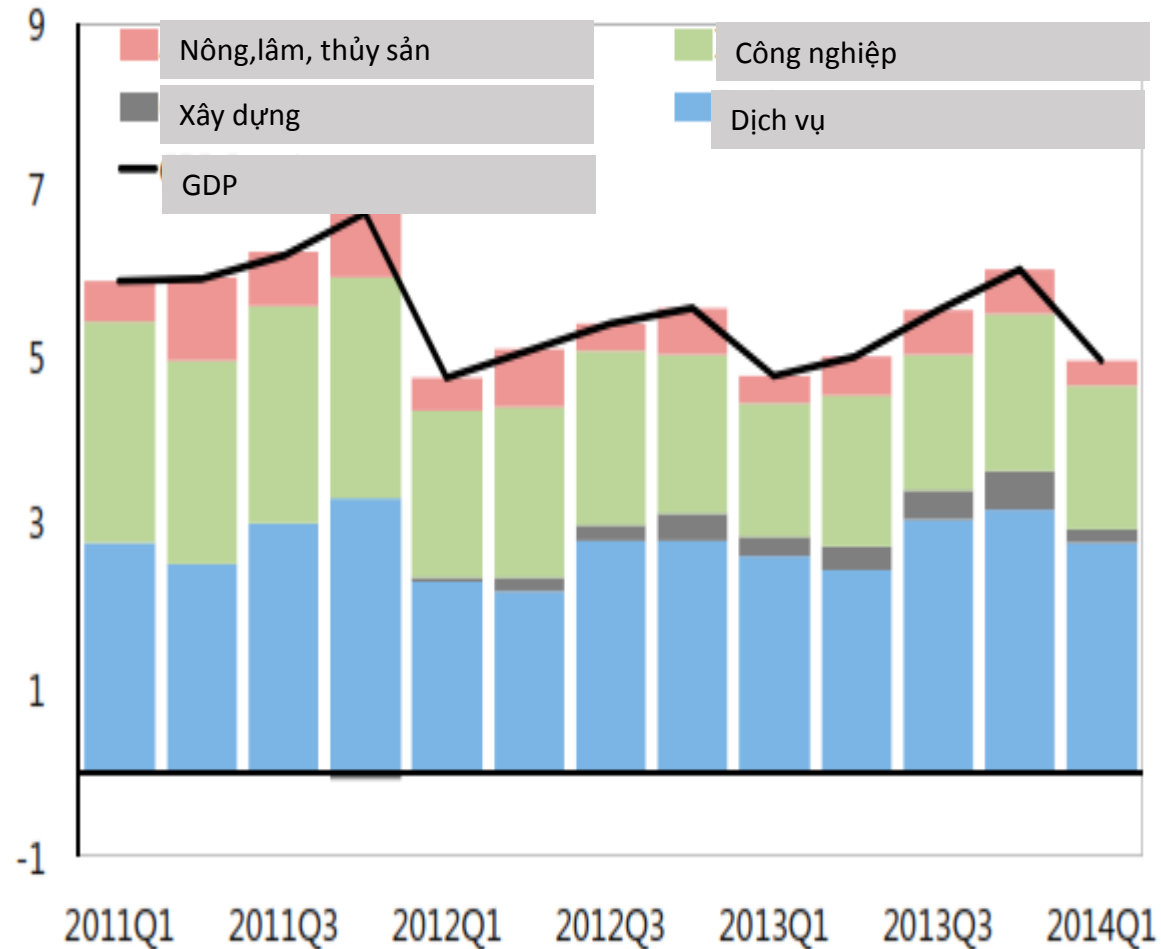
Tỷ VND	2012	Sơ bộ . 2013	Sơ bộ. 2013 (%)
GDP	3,245,419	3,584,262	100
Tổng đầu tư	884,160	953,124	27
Tổng nguồn vốn cố định	785,337	844,475	24
Thay đổi về tồn kho	98,823	108,649	3
Tiêu dùng cuối cùng	2,285,623	2,551,803	71
Tiêu dùng cuối cùng – Nhà nước	192,362	220,642	6
Tiêu dùng cuối cùng – Tư nhân	2,093,261	2,331,161	65
Cán cân thương mại (hàng hóa & dịch vụ)	113,67	146,418	4
Sai số thống kê	(38,061)	(67,083)	-2

Tổng cục Thống kê Việt Nam, online <https://www.gso.gov.vn/>

Đóng góp vào GDP theo khu vực và chi tiêu: Vietnam

Đóng góp vào tăng trưởng GDP theo khu vực (giá 2010)

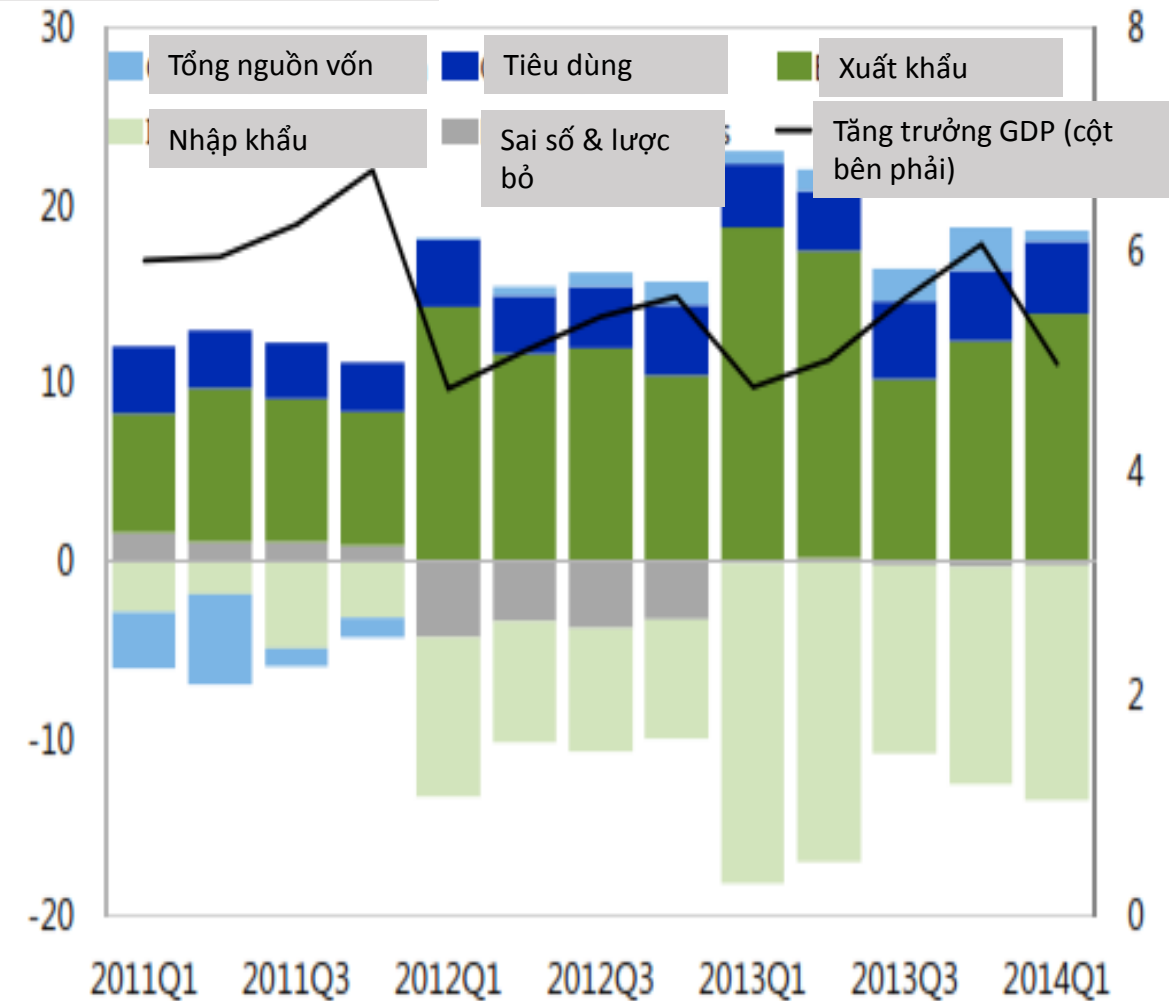
Theo điểm phần trăm



Nguồn: IMF, Vietnam: Báo cáo Quốc gia, số 14/2014

Đóng góp vào tăng trưởng GDP theo chi tiêu (giá 2010)

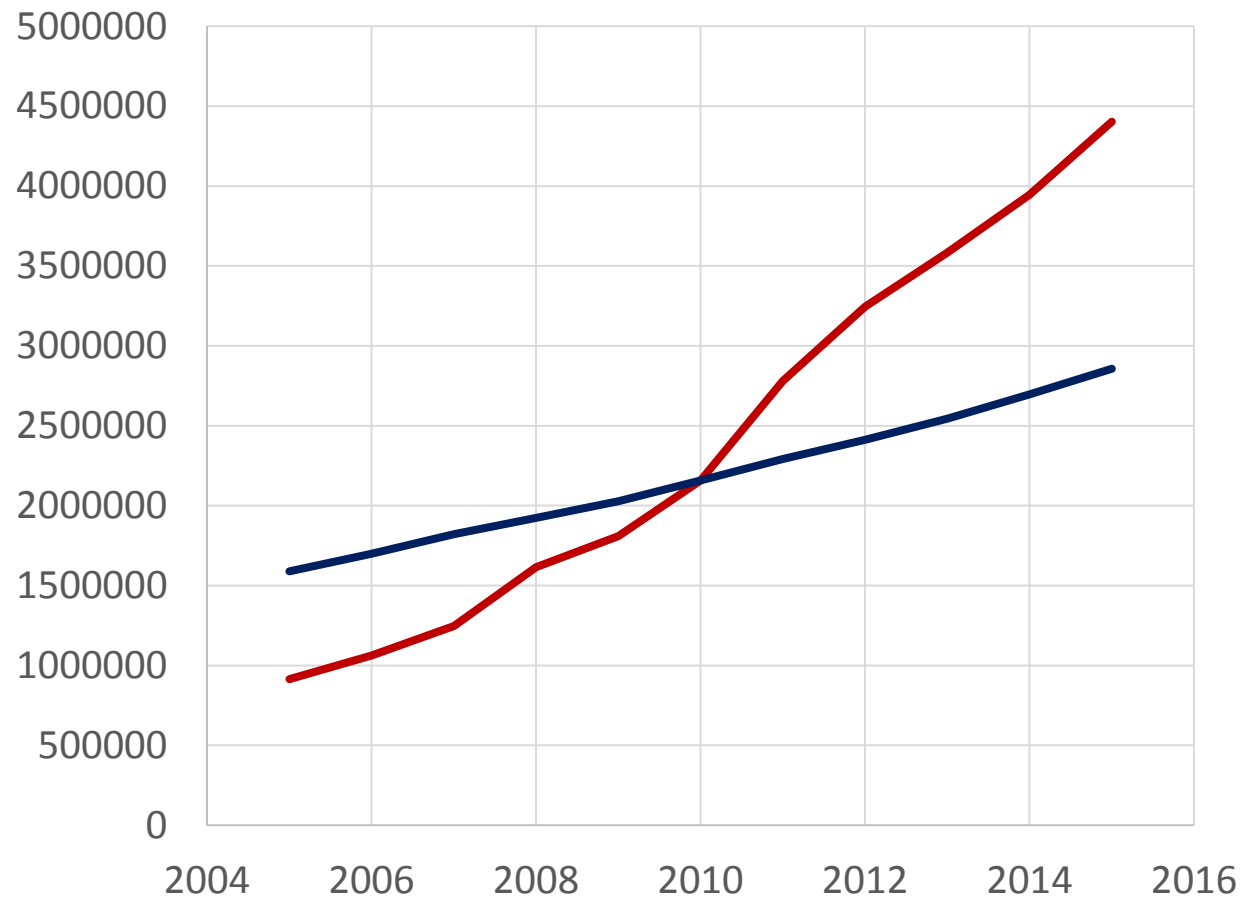
Theo điểm phần trăm



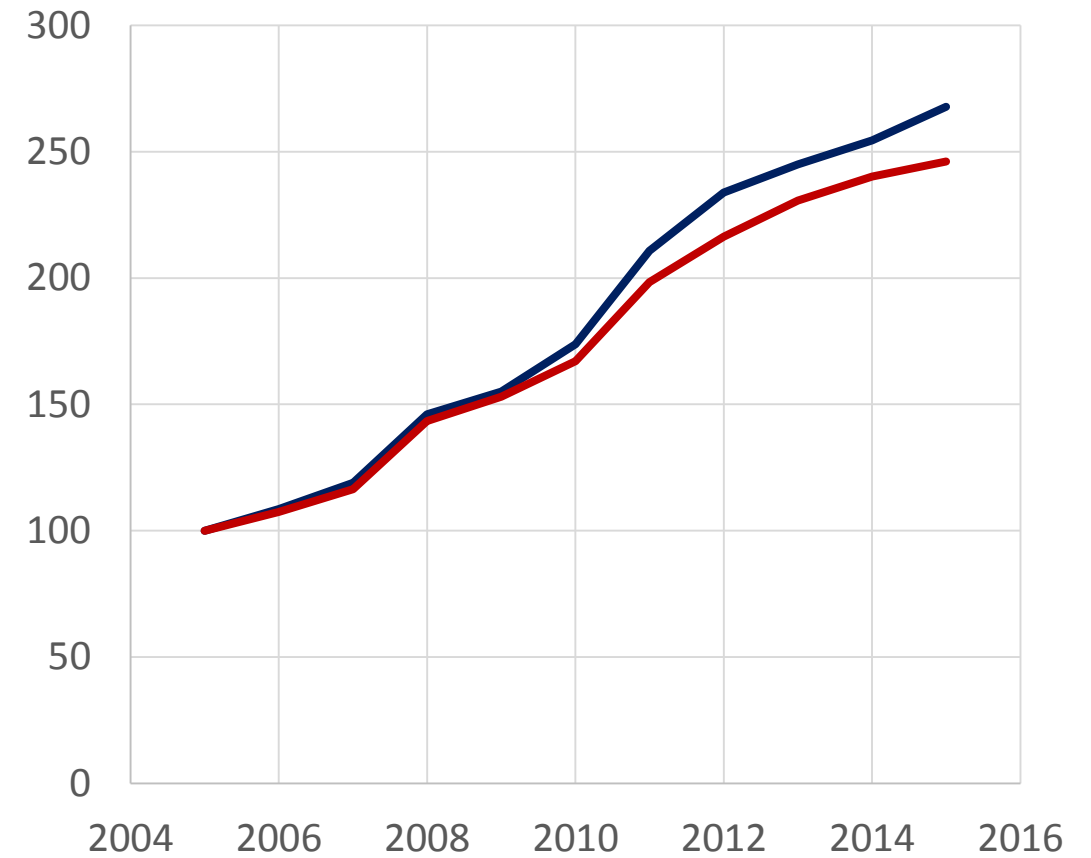
Nguồn: IMF, Vietnam: Country Report No. 14, 2014

GDP danh nghĩa và thực : Vietnam

GDP danh nghĩa và thực



Hệ số khử lạm phát GDP và CPI



Hạch toán cán cân thanh toán : Các nguyên tắc

Cán cân thanh toán là một hồ sơ ghi nhận các khoản thu từ và chi cho người nước ngoài. Mỗi giao dịch làm phát sinh hai khoản được ghi vào cán cân thanh toán, một ở cột có (+) và một ở cột nợ (-). Hệ quả là cán cân thanh toán luôn cân bằng: tổng các khoản có luôn bằng tổng các khoản nợ.

Khoản nào ghi vào cột có và khoản nào ghi vào cột nợ?

- Giao dịch phát sinh một khoản thu từ nước ngoài thì ghi vào là khoản có (+)
- Giao dịch phát sinh một khoản thanh toán cho nước ngoài thì ghi vào là khoản nợ (-)

Nói cách khác:

- Việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ hay tài sản tài chính cho người nước ngoài là khoản có.
- Việc nhận hàng hóa, dịch vụ hay tài sản tài chính từ người nước ngoài gọi là khoản nợ

Có ba loại giao dịch trong cán cân thanh toán:

1. Giao dịch phát sinh từ xuất khẩu hay nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ được ghi vào tài khoản vãng lai của cán cân thanh toán.
2. Giao dịch phát sinh từ mua sắm tài sản tài chính được ghi vào tài khoản tài chính (trước đây được gọi là tài khoản vốn) của cán cân thanh toán.
3. Giao dịch về tài sản không sản sinh, phi tài chính và vô hình được ghi vào một tài khoản mới cũng hay gọi cùng tên là “tài khoản vốn”

Hạch toán cân cân thanh toán: Các nguyên tắc

Tài khoản cân cân thanh toán—bài tập

1. Một công ty Việt Nam nhập khẩu 5 triệu USD máy móc từ một công ty Mỹ. Thanh toán được thực hiện bằng chuyển khoản từ ngân hàng Việt Nam đến một ngân hàng Mỹ.
2. NHNNVN (SBV) mua ngoại tệ (dollars) từ một ngân hàng Việt Nam. Thanh toán được thực hiện bằng cách ghi có cho dự trữ của ngân hàng Việt Nam ở SBV.
3. Du khách Nga chi tiêu 5,000 USD tiền mặt trong kỳ du lịch ở Việt Nam.
4. Cơ quan Hỗ trợ Thụy Điển cho tổ chức phi chính phủ của Việt một khoản viện trợ không hoàn lại 10,000 USD. Thanh toán được thực hiện bằng cách chuyển khoản ngân hàng từ một NH Thụy Điển sang một NH Việt Nam.

	Có +	Nợ-
Tài khoản vãng lai		
Hàng hóa	A	B
Xuất khẩu	C	D
Nhập khẩu	E	F
Dịch vụ	G	H
Xuất khẩu	I	J
Nhập khẩu	K	L
Thu nhập	M	N
Tài khoản tài chính		
FDI	O	P
Dòng chảy danh mục	Q	R
Dự trữ chính thức	S	T

Cán cân thanh toán Mỹ : 2014 (tỷ USD)

Cán cân tài khoản vãng lai	(389,526)
<i>Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ và nhận thu nhập (có)</i>	<i>3,306,574</i>
Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	2,343,205
Hàng hóa	1,632,639
Dịch vụ	710,565
Nhận thu nhập chính	823,353
Thu nhập đầu tư	816,445
Lương nhân viên	6,909
Chuyển giao vãng lai nhận được	140,016
<i>Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ và thanh toán thu nhập (nợ)</i>	<i>3,696,100</i>
Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ	2,851,529
Hàng hóa	2,374,101
Dịch vụ	477,428
Thanh toán thu nhập chính	585,369
Thu nhập đầu tư	569,031
Lương nhân viên	16,339
Thanh toán chuyển giao vãng lai	259,202

Cán cân thanh toán Mỹ: 2014 (tỷ USD)—tiếp theo

Tài khoản tài chính	185,276
Gia tăng ròng về tài sản / dòng tài chính ra của Mỹ (ghi nợ)	792,145
Tài sản đầu tư trực tiếp	357,190
Tài sản đầu tư danh mục	538,058
Các tài sản đầu tư	(99,520)
Tài sản dự trữ	(3,583)
Gia tăng ròng về nợ (liability) / dòng tài chính vào của Mỹ (ghi có)	977,421
Nợ đầu tư trực tiếp	131,831
Nợ đầu tư danh mục	705,030
Nợ đầu tư khác	140,559
Sản phẩm phái sinh tài chính khác dự trữ, giao dịch ròng /2/	(54,372)
Sai số thống kê	204,250

Cán cân thanh toán của Việt Nam : 2011- 13

(Triệu USD)

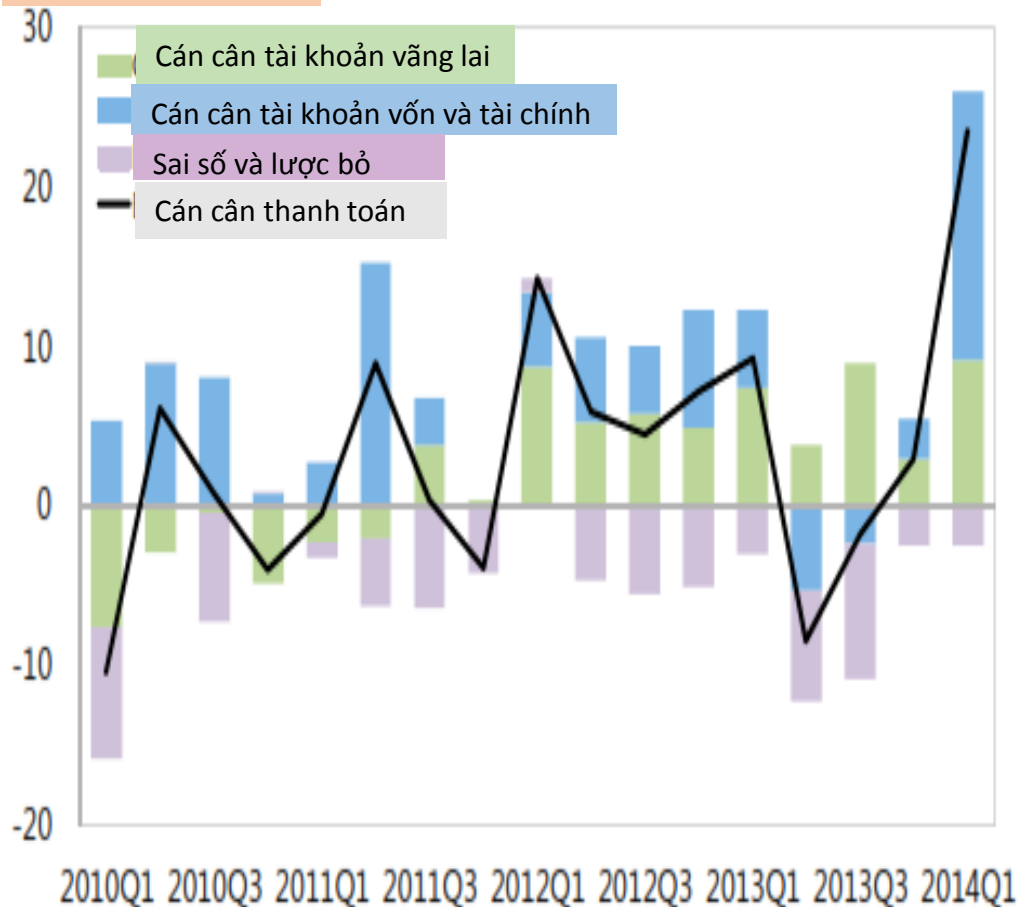
Nguồn: IMF, Thống kê Tài
chính Quốc tế

VIETNAM	2011	2012	2013
Tài khoản vãng lai	236	9,062	9,471
<i>Cán cân thương mại</i>	<i>(450)</i>	<i>9,885</i>	<i>8,730</i>
Xuất khẩu	96,906	114,573	132,135
Nhập khẩu	97,356	104,688	123,405
<i>Cán cân dịch vụ</i>	<i>(2,980)</i>	<i>(2,920)</i>	<i>(1,400)</i>
Xuất khẩu	8,879	9,600	10,500
Nhập khẩu	11,859	12,520	11,900
<i>Thu nhập chính</i>	<i>(5,019)</i>	<i>(6,115)</i>	<i>(7,336)</i>
Khoản thu	395	295	281
Khoản thanh toán	5,414	6,410	7,617
<i>Chuyển giao ròng</i>	<i>8,685</i>	<i>8,212</i>	<i>9,477</i>
Tài khoản tài chính	(6,390)	(8,275)	151
<i>Đầu tư trực tiếp</i>	<i>6,480</i>	<i>7,168</i>	<i>6,944</i>
Dòng tiền vào (+)	7,430	8,368	8,900
Dòng tiền ra (-)	950	1,200	1,956
<i>Dòng danh mục (gián tiếp)</i>	<i>1,412</i>	<i>1,990</i>	<i>1,469</i>
Dòng tiền vào (+)	1,064	1,887	1,389
Dòng tiền ra (-)	(348)	(103)	(80)
<i>Khác (ròng)</i>	<i>(1,502)</i>	<i>(883)</i>	<i>(8,564)</i>
Dòng tiền vào (+)	4,900	5,159	3,450
Dòng tiền ra (-)	6,402	6,042	12,014
Cán cân chung CA + FA	6,626	17,337	9,320
<i>Thay đổi dự trữ</i>	<i>(1,151)</i>	<i>(11,860)</i>	<i>(557)</i>
<i>Sai số và lược bỏ ròng</i>	<i>(5,475)</i>	<i>(5,477)</i>	<i>(8,763)</i>
Cán cân thanh toán cân bằng!!	0	0	0

Cán cân thanh toán Việt Nam : 1996-2013 (Triệu of USD)

Cán cân thanh toán

Theo % GDP



2010Q1 2010Q3 2011Q1 2011Q3 2012Q1 2012Q3 2013Q1 2013Q3 2014Q1

Pre.
Nguồn: IMF, Vietnam: Báo cáo Quốc gia, số 14/2014

20000

15000

10000

5000

0

-5000

-10000

-15000

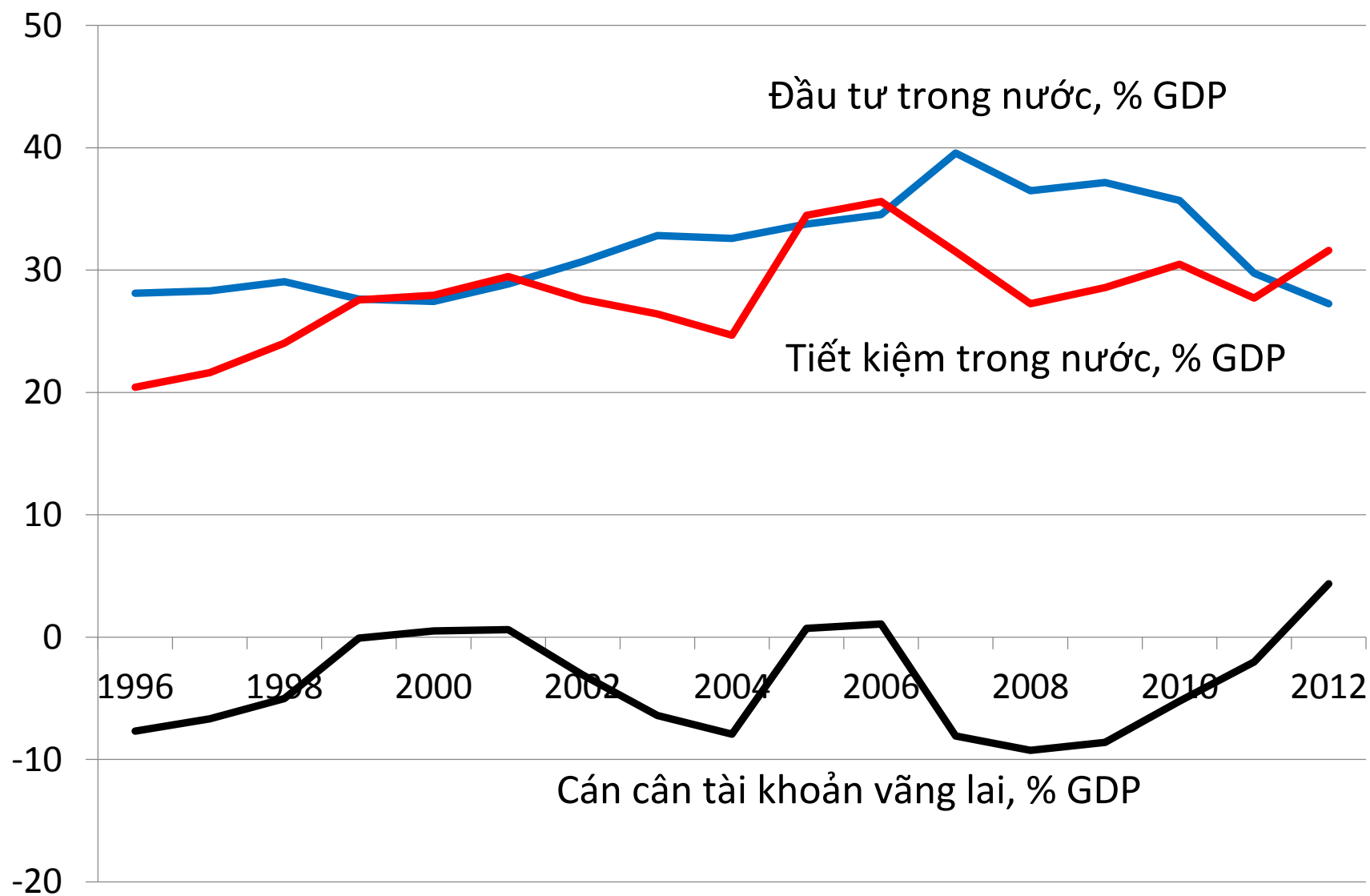
Tài khoản tài chính
cộng sai số/lược bỏ

1994 1996 1998 2000 2002 2004 2006 2008 2010 2012 2014

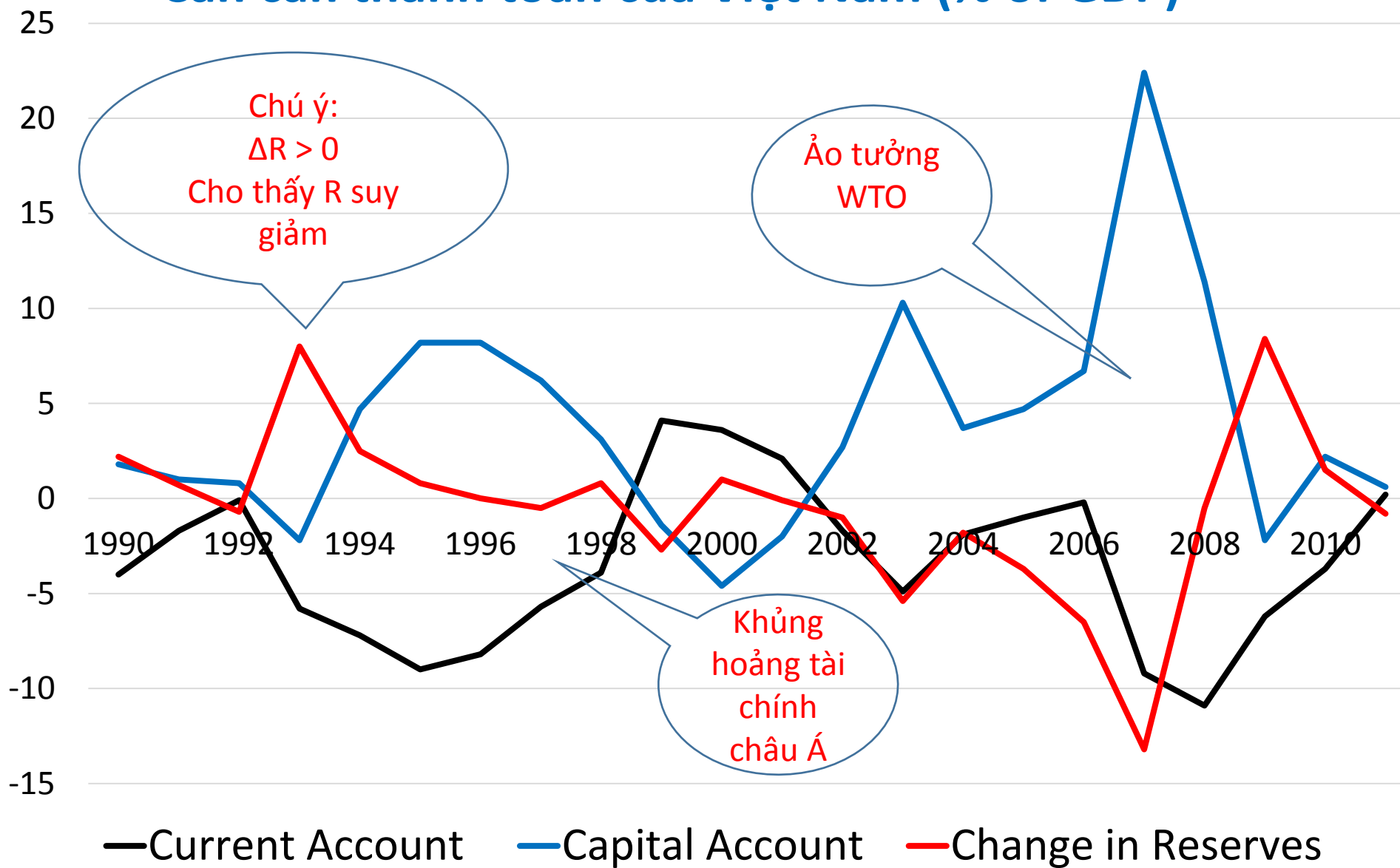
Thay đổi dự trữ

Tài khoản vãng lai

Thương mại giữa các thời kỳ: Việt Nam 1996-2012

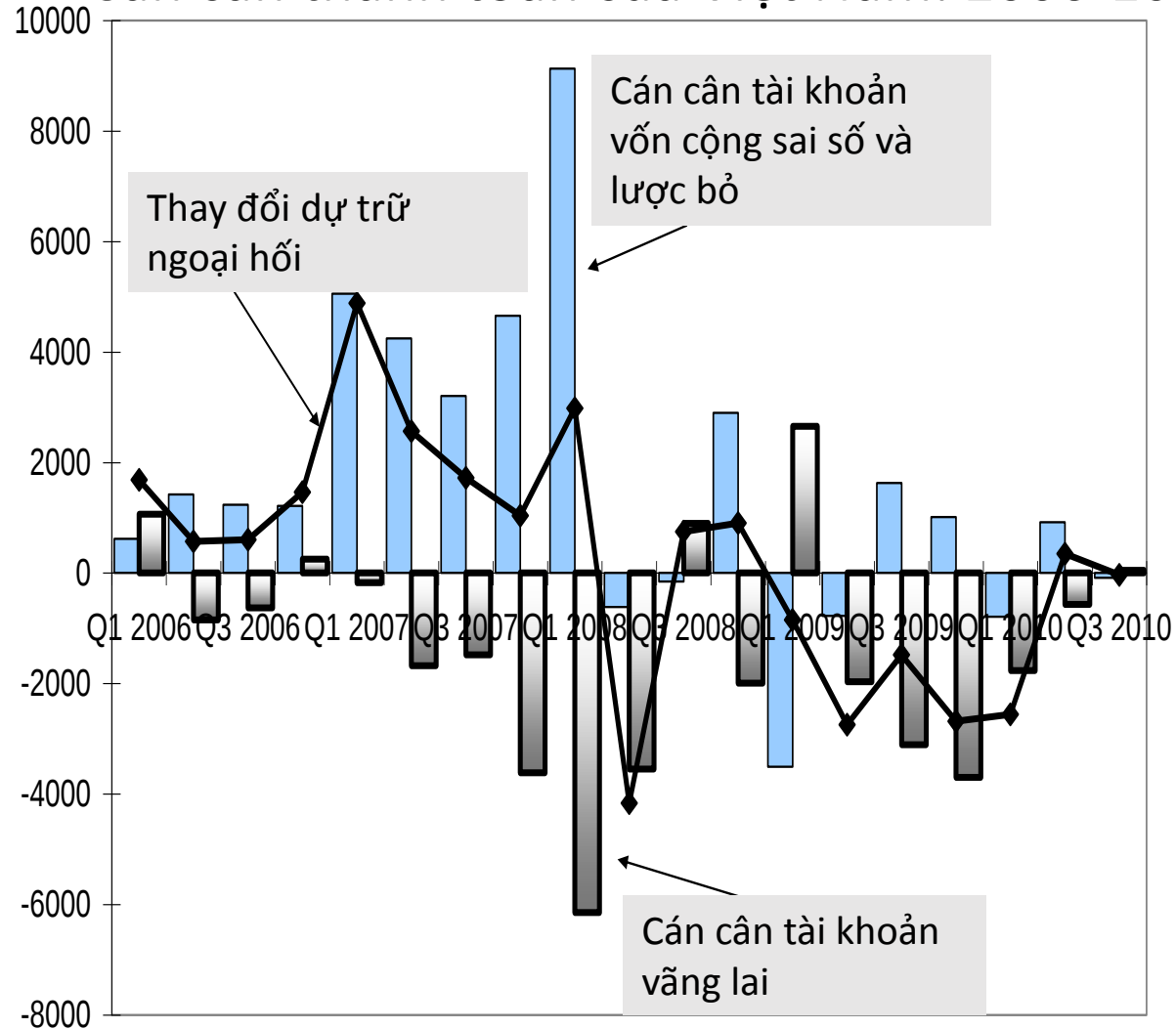


Cán cân thanh toán của Việt Nam (% of GDP)

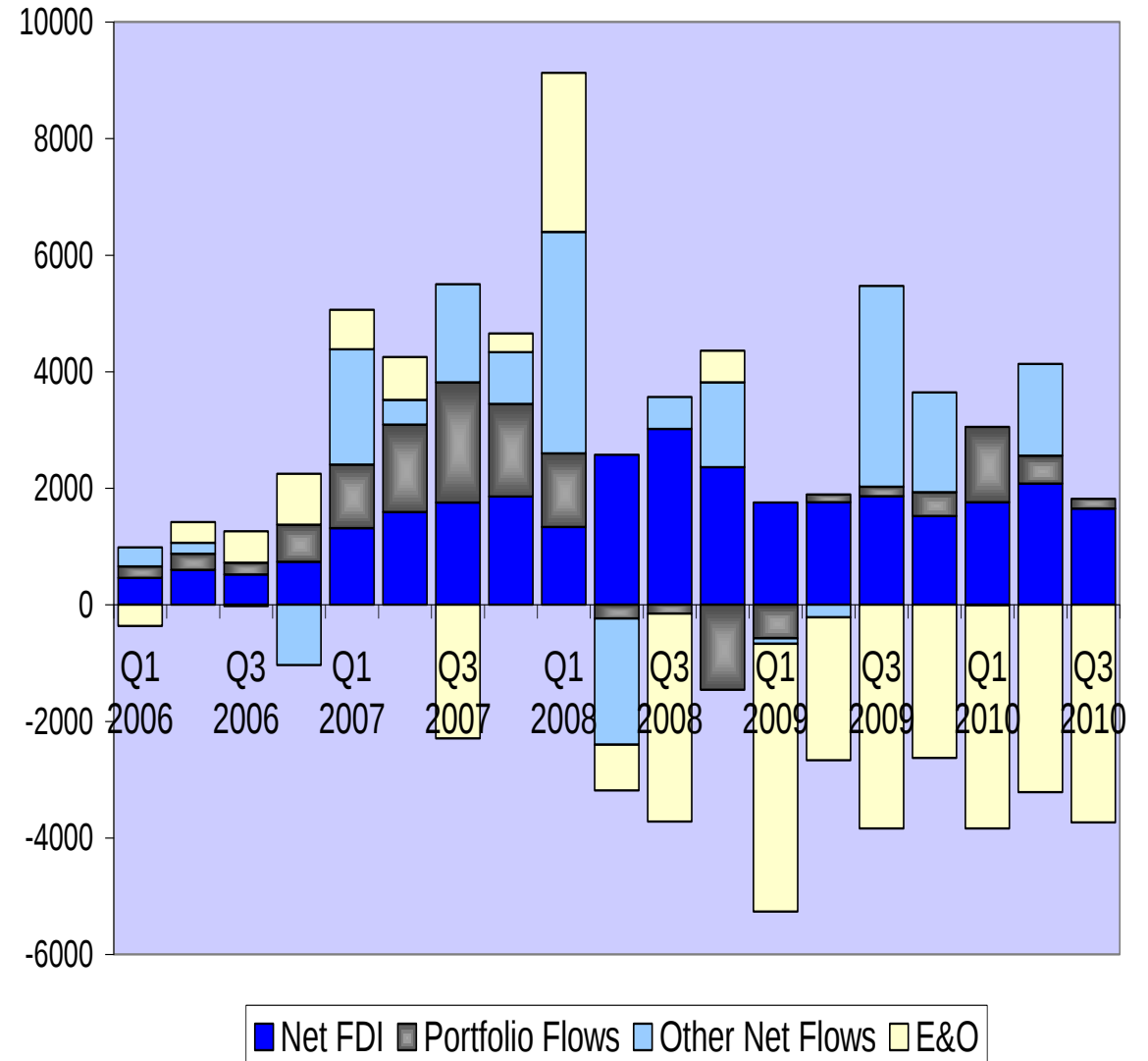


Cán cân vĩ mô dẫn đến và sau Khủng hoảng vĩ mô 2008 ở Việt Nam

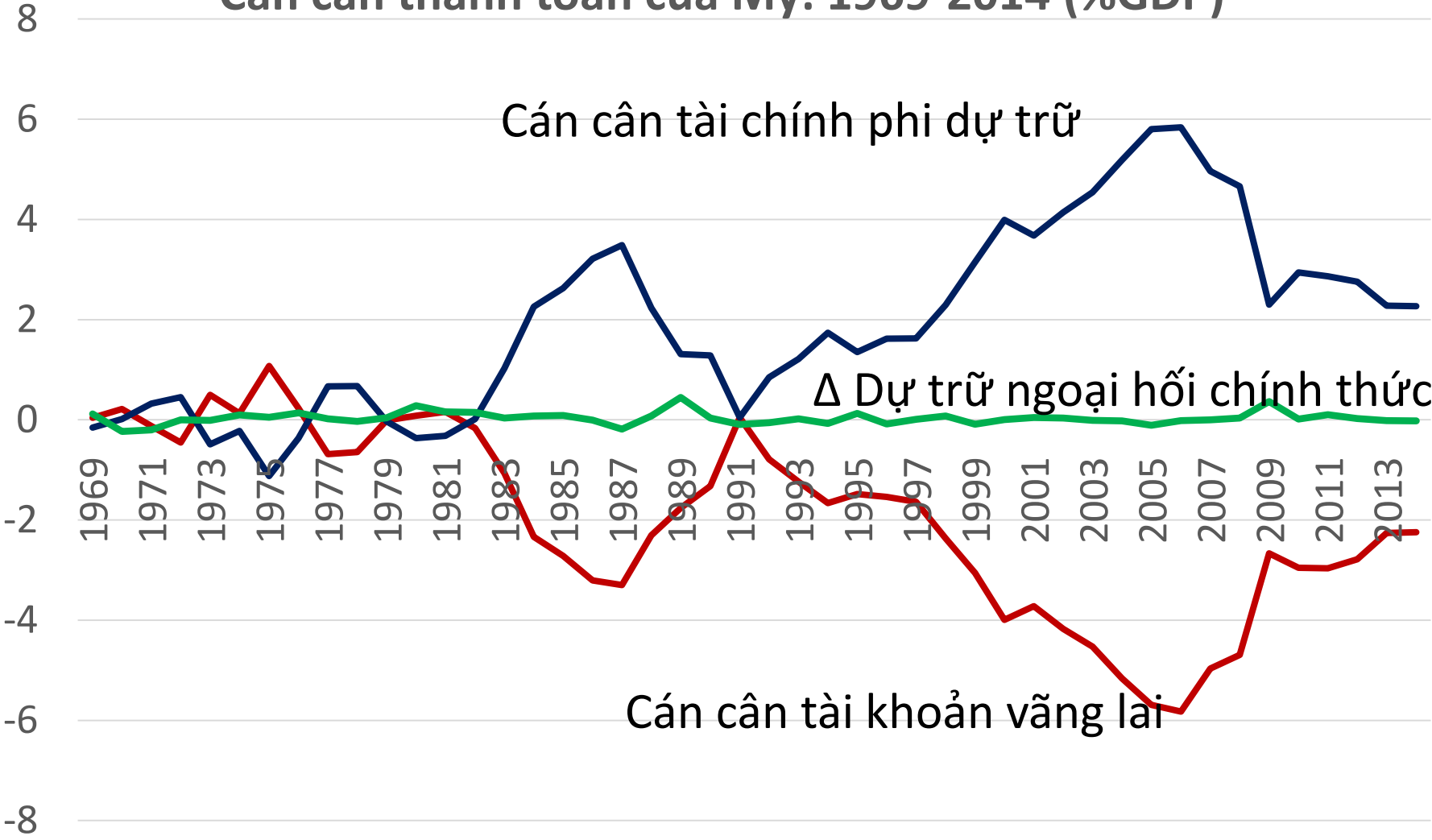
Cán cân thanh toán của Việt Nam: 2006-10



Các thành phần của tài khoản vốn: 2006-10



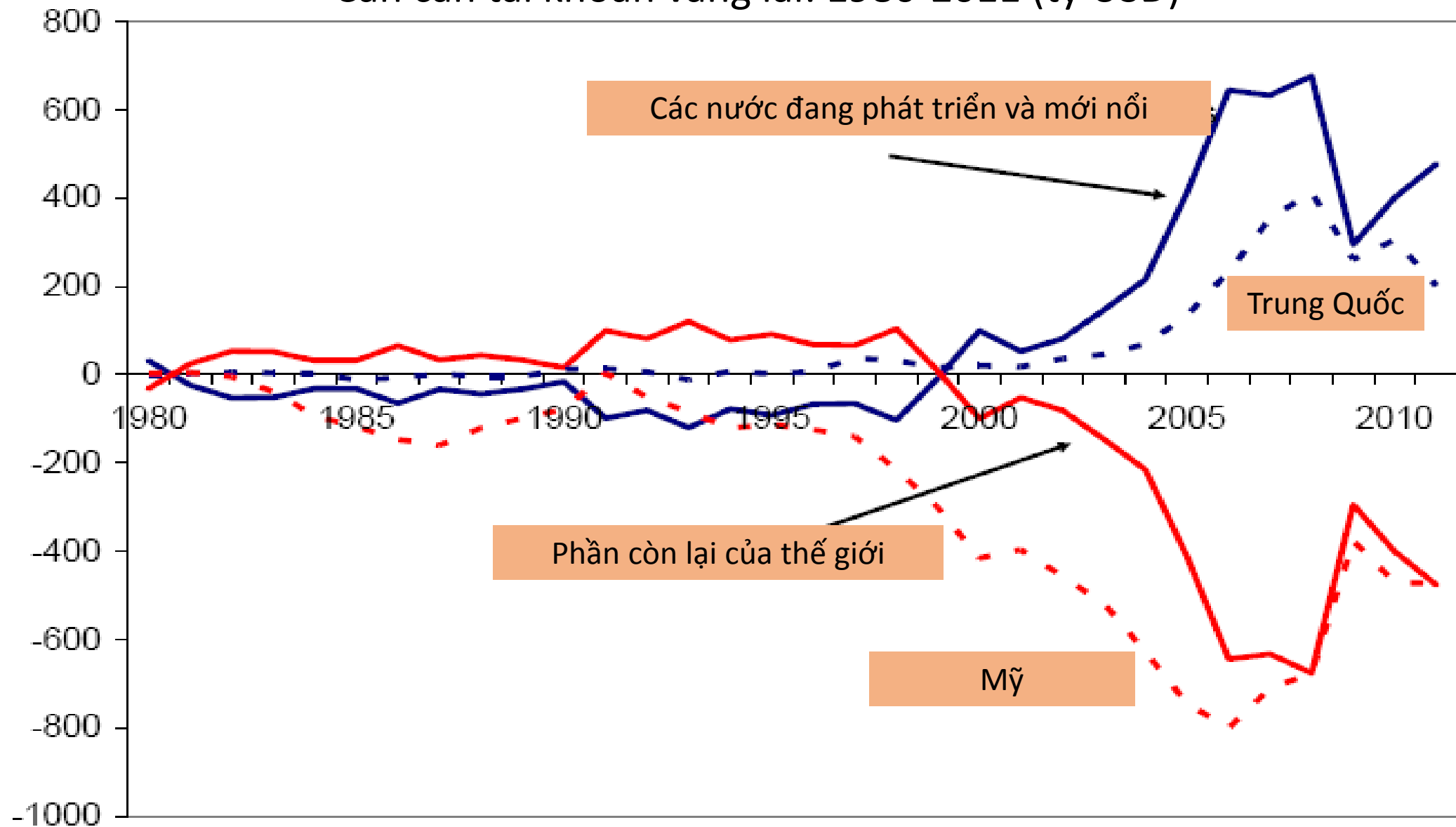
Cán cân thanh toán của Mỹ: 1969-2014 (%GDP)



Nguồn: Cục Phân tích Kinh tế, Bộ Thương mại Mỹ, cơ sở dữ liệu online

Từ năm 2000 dòng vốn quốc tế đã chảy ngược từ nước nghèo lên nước giàu

Cán cân tài khoản vãng lai: 1980-2011 (tỷ USD)



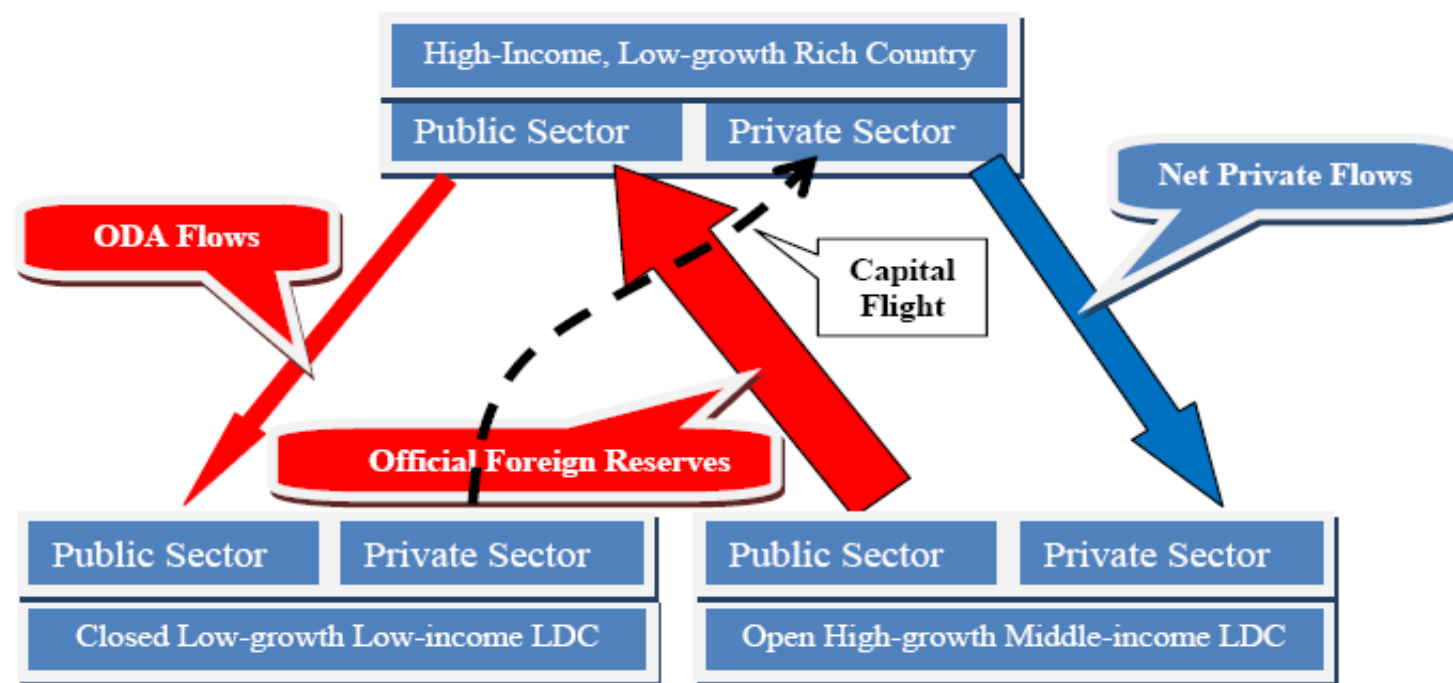
Thương mại giữa các thời kỳ: giải thích sự bất cân đối toàn cầu

Hai cách lý giải khả dĩ cho sự bất thường này:

(1) Giả định cho rằng suất sinh lợi đầu tư ở nước nghèo cao hơn là sai

(2) Dòng vốn do chính sách chính phủ quyết định, không phải động lực thị trường

Khi phân tách, ta sẽ nhận thấy cả hai đều giải thích được sự bất thường này và lý thuyết vẫn có giá trị.



Chú ý: kích cỡ mũi tên cho thấy qui mô tương đối của dòng vốn.

Tiếp theo là gì? Thương mại giữa các hành tinh

